

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/04/2019
Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH T**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Tấn Thọ.
2. Ông Đặng Hoàng Mích.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện B, Tỉnh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện B tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 04 năm 2019, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân Huyện B, Tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 509/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐ - TA ngày 16/04/2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Trần Quốc T**, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Lộc Th, xã Lộc Th1, Huyện B, Tỉnh T.

Bị đơn: **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Lộc Thành, xã Lộc Thuận, Huyện B, Tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 02 tháng 07 năm 2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Trần Quốc T trình bày:

Anh cùng chị Nguyễn Thị Kim H tự nguyện kết hôn vào năm 2004 và có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Th, Huyện B, Tỉnh T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/02/2004. Quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên cự cãi, nguyên nhân do cuộc sống không còn phù hợp nữa.

Tháng 4 năm 2018 vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn sống chung nhau. Tháng 8 năm 2018 anh đã làm đơn ra Tòa xin ly hôn nhưng sau đó rút yêu cầu ly hôn với mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả. Vì vậy, tại phiên tòa hôm nay anh Trần Quốc T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con tên Trần Thị Kim H1, sinh năm ngày 13/03/2005, Trần Quốc Th2, sinh ngày 07/05/2013 và Trần Quốc T3, sinh ngày 07/05/2013. Hiện tại các con chung do chị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn anh T đồng ý giao con chung cho chị Kim H nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng cho chị H nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng/ 3 con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 03 năm 2019, biên bản hòa giải ngày 19/03/2019 chị Nguyễn Thị Kim H khai như sau:

Vợ chồng chị tự nguyện kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn theo quy định, trong thời gian sống chung vợ chồng thường cự cãi từ tháng 05 năm 2018, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh T ngoại tình. Chị Kim H thừa nhận tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, không còn quan tâm đến nhau. Tuy nhiên, chị xác định còn tình cảm với anh T và các con còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và thực hiện đúng theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc gửi Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát chưa đảm bảo.

Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm.

Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo luật định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, nhận thấy:

Qua hệ vợ chồng giữa anh T và anh H là hợp pháp. Trong thời gian chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nên năm 2018 anh T đã có đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút yêu cầu xin ly hôn để vợ chồng hàn gắn nhưng không mang lại kết quả. Xét thấy: tại phiên tòa hôm nay anh T xác định không còn tình cảm với chị H, không thể hàn gắn được. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T xin ly hôn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

Về con chung: Tại biên bản lấy ý kiến của con chung ngày 15/02/2019 bé Trần Thị Kim H1 có nguyện vọng sống với chị Kim H và chị H có nguyện vọng nuôi con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao các con chung cho chị H nuôi dưỡng. Tại tòa, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng/3 con đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Kim H là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc T và chị Nguyễn Thị Kim H kết hôn với nhau vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn theo luật định nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Từ tháng 5 năm 2018 anh T đã có đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhưng sau rút yêu cầu ly hôn để vợ chồng hàn gắn nhưng vẫn không mang lại kết quả và hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, vợ chồng không thể hàn gắn được, mỗi người ai cũng có cuộc sống riêng và không quan tâm đến nhau, đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị Kim H là rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh T xin ly hôn với chị H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Tại biên bản lấy ý kiến của cháu Trần Thị Kim H1, sinh năm ngày 13/03/2005 thì cháu Hân có nguyện vọng sống với chị H.

Đối với hai cháu Trần Quốc T2, Trần Quốc T3 sinh ngày 07/05/2013 chưa đủ 7 tuổi.

Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của con chưa thành niên và hiện tại các cháu đều do chị Nguyễn Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng nên giao các con chung cho chị Kim H nuôi dưỡng là phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Căn cứ biên bản hòa giải ngày 19/03/2019 chị Kim H có yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng/3 con chung và tại phiên tòa anh T đồng ý với yêu cầu này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội Nghị quyết quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Trần Quốc T phải chịu án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án phí cấp dưỡng: Anh Trần Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội Nghị quyết quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Quốc T và chị Nguyễn Thị Kim H.

2/ Về con chung:

Giao các con chung Trần Thị Kim H1, sinh năm ngày 13/03/2005, Trần Quốc Th2 và Trần Quốc T3 cùng sinh ngày 07/05/2013 cho chị Nguyễn Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận anh Trần Quốc T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị Nguyễn Thị Kim H nuôi 03 con chung mỗi tháng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Trần Quốc T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị Kim H trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Trần Quốc T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí sơ thẩm:

- Anh Trần Quốc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Anh Trần Quốc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

Tổng số tiền án phí anh Trần Quốc T phải chịu là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0021001 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện B, Tỉnh T. Vậy, anh T còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Trần Quốc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Kim H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh T (Phòng KTNV& THA);
- VKSND Huyện B;
- Chi cục THADS Huyện B;
- UBND xã Lộc Th
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Loan

